TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H N** **TỈNH N A**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Số: 21/2021/QĐST-HNGĐ	*H N, ngày 01 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2021/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị N T T U; Sinh năm: 1998; Địa chỉ: Thôn MT, xã H M, huyện H N, tỉnh N A.

Bị đơn: Anh C V C; Sinh năm: 1988. Địa chỉ: Thôn MT, xã H M, huyện H N, tỉnh N A.

Căn cứ vào Điều 28, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị N T T U và anh C V C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N T T U và anh C V C thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị N T T U và anh C V C thỏa thuận giao con chung là C V M K, sinh ngày 12/01/2019 cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị N T T U phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh C V C số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) mỗi tháng. Thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4 năm 2021 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bên có nghĩa vụ thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Về tài sản chung: Chị N T T U và anh C V C tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản nợ: Chị N T T U và anh C V C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị N T T U tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị U đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H N theo biên lai thu tiền số 0002250 ngày 11 tháng 3 năm 2021 (chị L đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện H N;
- TAND tỉnh N A;
- THADS huyện H N;
- UBND xã Hưng Mỹ, huyện H N;
- Lưu HS,VP./.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H N
Thẩm phán

Lâm Quốc Tú